

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2018.

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh P, sinh năm: 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp VK, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí P, sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2018, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – Bà Lê Thị Thanh P trình bày:

Bà P xây dựng gia đình với ông Nguyễn Chí P vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Bà P và ông P có tìm hiểu nhau một thời gian, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới bà P và ông P sống tại tổ 6, ấp TH, xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Cuộc sống chung hạnh P đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà P và ông P bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau về mọi mặt. Mỗi lần ông P uống rượu về là kiếm chuyện gây gổ, vợ chồng không có tiếng nói chung nên phát sinh cãi vã đôi khi dẫn đến xô sát, bà P và ông P không tự giải quyết được nên mâu thuẫn ngày càng lớn. Từ

tháng 3/2013 bà P và ông P ly thân cho đến nay, bà P và ông P không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà P và ông P không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông P tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông P đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông P vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa ông P đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Thanh P yêu cầu ly hôn với ông P, đây là ly hôn theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông P có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt ông P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông P xây dựng gia đình vào năm 2012 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 17/9/2012 tại UBND xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà P và ông P chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà P và ông P bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau về mọi mặt. Mỗi lần ông P uống rượu về là kiếm chuyện gây gổ, vợ chồng không có tiếng nói chung nên phát sinh cãi vã đôi khi dẫn đến xô sát, bà P và ông P không tự giải quyết được nên mâu thuẫn ngày càng lớn. Từ tháng 3/2013 bà P và ông P ly thân cho đến nay, bà P và ông P không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Xét lời khai của bà P phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, xét yêu cầu của bà P cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà P và ông P phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc nhưng từ tháng 3/2013 bà P và ông P ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Sau khi bà P gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông P vắng mặt không lý do, không thể hiện có thiện chí hòa giải.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà P và ông P thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông P.

[3] Về con chung: Bà P và ông P không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh P được ly hôn với ông Nguyễn Chí P.

2. Về con chung: Bà P và ông P không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001611 ngày 11/5/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện XM. Bà P đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử P thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo